

Số: 153/2024/QĐST-VDS

Châu Thành, ngày 23 tháng 4 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 115 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 195/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Lương Quốc C, sinh năm 1976;

Địa chỉ: số A, khu phố E, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chị Trần Thị Bảo N, sinh năm 1981;

Địa chỉ: số F, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hôn nhân: Anh Lương Quốc C và chị Trần Thị Bảo N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, sau đó tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 31/12/2002, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do có bất đồng về quan điểm sống, tính tình không còn phù hợp nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Anh C và chị N đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Nay anh C và chị N cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn. Do đó, có căn cứ công nhận cho anh C và chị N thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: có 02 con chung là Lương Đình P, sinh ngày 08/12/1999; Lương Gia V, sinh ngày 26/02/2002. Hai con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tài sản chung và nợ chung: Anh C và chị N cùng khai là không có nên Tòa án không xem xét.

[4] Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh C và chị N phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lương Quốc C và chị Trần Thị Bảo N.

- Về con chung: 02 con chung là Lương Đình P, sinh ngày 08/12/1999; Lương Gia V, sinh ngày 26/02/2002 đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét.

- Tài sản chung và nợ chung: Anh C và chị N cùng khai là không có nên Tòa án không xem xét.

**2.** Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Anh Lương Quốc C và chị Trần Thị Bảo N phải chịu nhưng anh chị thỏa thuận trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà anh chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000371 ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Anh chị đã nộp đủ lệ phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### ***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- TAT (Phòng kiểm tra);
- **UBND xã P;**
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

#### **THẨM PHÁN**

***Đã ký***

**Lê Trần Phương Thảo**